TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 13/5/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;

2. Bà Vũ Thị Hạnh**.**

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trường-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐHPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh D; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh D; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Văn C, sinh năm 1966, Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh D; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Ngày 15/4/2020, bà Nguyễn Thị H có vay của ông Nguyễn Ngọc S số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất, hẹn trong vòng 06 tháng (Đến 15/10/2020) sẽ trả lại số tiền vay nhưng đến hạn bà H không thực hiện, sau nhiều lần đòi nhưng bà H cố tình trốn tránh, bỏ trốn, khi Tòa án mời đến làm việc, bà H cũng không đến. Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà H phải trả lại số tiền vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) theo chứng cứ là Giấy mượn tiền

ngày 15/10/2020 (nhưng thực chất là bà H vay ngày 15/4/2020 do ghi nhầm ngày). Về tiền lãi từ khi vay đến nay, ông S không yêu cầu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể trực tiếp tống đạt các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm) nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án. Tại biên bản xác minh, tại Công an xã Thị trấn T, huyện B cho biết: Bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 5, thị trấn T, huyện B, hiện nay bà H vẫn còn hộ khẩu và đang cư trú tại khu phố 5, thị trấn T, huyện B. Căn cứ Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn bằng hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B và tại nơi ở của bà H. Đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H không có văn bản chấp nhận hay phản đối hoặc có yêu cầu phản tố đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thông báo lý do vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C (là chồng bà Nguyễn Thị H) từ chối cung cấp lời khai, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt, riêng bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, UBND thị trấn T, huyện B và trụ sở Tòa án nhưng cố tình vắng mặt không nêu rõ lý do.Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn Nguyễn Thị H cố tình vắng mặt là không chấp hành đúng quy định pháp luật và từ bỏ đối với quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nên việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Ngọc S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh D và đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Châu có nơi cư trú tại khu phố 5, thị trấn T, huyện B. Do bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại nơi cư trú nhưng không đến Tòa án, Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô văn C vắng mặt trong các buổi họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải là thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó, căn cứ Điều 277, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 15/10/2020 (Thực tế xác định ngày vay là 15/4/2020) thể hiện nội dung bà H có vay của ông S số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) để "giải quyết việc gia đình"; thỏa thuận trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày mượn sẽ thanh toán lại số tiền trên, không thỏa thuận lãi suất; bên dưới góc phải của văn bản có chữ ký, vân tay và dòng chữ ghi họ và tên "Nguyễn Thị H", do đó, HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tài sản và không có lãi suất theo Điều 463 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Do bà Nguyễn Thị H vi phạm thời hạn và nghĩa vụ thanh toán nên ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S đối với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc S 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031234 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng